

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

2026.7.19

Group

G-16

Round

4

Board

1

WHITE				BLACK				FED				RESULT (W)			
Zol-Uchral Erdenesaikhan				Tong Yiyi				MGL				1/2			
WHITE				BLACK				FED				RESULT (B)			
Tong Yiyi				CHN				1/2							
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	d4	g6	Nf6	g6	21	Ne4	25	Qc7	23	41	Ra2	Ba2			
2	c4	g6	e6	g6	22	g3	22	Nb6	15	42	Rb2	Be2			
3	Nc3	g6	Bb4	g6	23	b4	15	cb	16	43	Rd2	Kh7			
4	P3	g6	c5	g6	24	Rc1	13	Qd8	14	44	Ke3	BPS			
5	d5	g6	d6	g6	25	Nb3	12	Nd5	9	45	Rd5	kg6			
6	e4	g6	O-O	g6	26	Na5	8	Qa5	9	46	Bg5	P6			
7	Bd2	g6	Re8	g6	27	Qd5		Qd5		47	Rd6	Re8			
8	a3	g6	Ba5	g6	28	Nf6		g6		48					
9	Kf2	g6	a6	g6	29	Bd5		Ne7		49					
10	Nge2	g6	ed	g6	30	Bf3		Nc6		50					
11	cd	g6	c4	g6	31	Rh1		Bc6		51					
12	Be3	g6	Nf7	g6	32	Bc6		bc		52					
13	Nd4	g6	Ne5	g6	33	Rc6		Rab8		53					
14	Be2	g6	Nbd7	g6	34	Bd2		Red8		54					
15	Nc2	g6	Qc7	g6	35	Rd2		Rbl		55					
16	P4	g6	Ng6	g6	36	Ra6		h5		56					
17	e5	g6	de	g6	37	Be3		Rc8		57					
18	d6	g6	Qc6	g6	38	Rb6		Ra1		58					
19	Bf3	g6	e4	g6	39	Bd4		Ra3		59					
20	Nd4	g6	Qd6	g6	40	BPG		Ra2		60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							
Zol-Uchral				Tong Yiyi				J. J. J.							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

2026.7.19

Group

G-16

Round

4

Board

1

WHITE				BLACK				FED				RESULT (W)			
Zol-Uchral Erdenesaikhan				Tong Yiyi				MGL				1/2			
WHITE				BLACK				FED				RESULT (B)			
Tong Yiyi				CHN				1/2							
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	d4	g6	Nf6	g6	21	Ne4	25	Qc7	23	41	Ra2	Ba2			
2	c4	g6	e6	g6	22	g3	22	Nb6	15	42	Rb2	Be2			
3	Nc3	g6	Bb4	g6	23	b4	15	cb	16	43	Rd2	Kh7			
4	P3	g6	c5	g6	24	Rc1	13	Qd8	14	44	Ke3	BPS			
5	d5	g6	d6	g6	25	Nb3	12	Nd5	9	45	Rd5	kg6			
6	e4	g6	O-O	g6	26	Na5	8	Qa5	9	46	Bg5	P6			
7	Bd2	g6	Re8	g6	27	Qd5		Qd5		47	Rd6	Re8			
8	a3	g6	Ba5	g6	28	Nf6		g6		48					
9	Kf2	g6	a6	g6	29	Bd5		Ne7		49					
10	Nge2	g6	ed	g6	30	Bf3		Nc6		50					
11	cd	g6	c4	g6	31	Rh1		Bc6		51					
12	Be3	g6	Nf7	g6	32	Bc6		bc		52					
13	Nd4	g6	Ne5	g6	33	Rc6		Rab8		53					
14	Be2	g6	Nbd7	g6	34	Bd2		Red8		54					
15	Nc2	g6	Qc7	g6	35	Rd2		Rbl		55					
16	P4	g6	Ng6	g6	36	Ra6		h5		56					
17	e5	g6	de	g6	37	Be3		Rc8		57					
18	d6	g6	Qc6	g6	38	Rb6		Ra1		58					
19	Bf3	g6	e4	g6	39	Bd4		Ra3		59					
20	Nd4	g6	Qd6	g6	40	BPG		Ra2		60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							
Zol-Uchral				Tong Yiyi				J. J. J.							

12042

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group 616

Round 4

Board 2

WHITE		Agamyradorova, Mahri		2132	FED	TKM	RESULT (W)		0
BLACK		Ebrahimi Rashti, Asal		216	FED	IRI	RESULT (B)		1
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	d4	c5	21	c3	cb8	41	Rh	g1	
2	f4	e6	22	c4	d8	42	Rh	d8	
3	e3	c5	23	a8	cb	43			
4	c3	b6	24	b5	cb4	44			
5	cb3	f7	25	h4	b8	45			
6	b3	f7	26	c5	a6	46			
7	cb2	a6	27	h7	cb5	47			
8	f6	cb4	28	h7	cb5	48			
9	e6	b6	29	cb3	f4	49			
10	a6	cb4	30	f4	cb5	50			
11	f6	d7	31	f2	cb5	51			
12	f6	d7	32	cb5	cb5	52			
13	a4	a6	33	cb5	e3	53			
14	d2	b8	34	b3	f6	54			
15	b2	d8	35	b4	f6	55			
16	g1	e3	36	g4	cb2	56			
17	cb3	g6	37	h2	cb2	57			
18	f3	e4	38	d8	cb2	58			
19	cb2	cb5	39	h1	cb4	59			
20	f6	f6	40	b3	f7	60			
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARB/FR)			
M. Agamyradorova			E. Ebrahimi			D. ...			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group 616

Round 4

Board 2

WHITE		Agamyradorova Mahri		FED		IRI		RESULT (W)		0	
BLACK		Ebrahimi Rashti, Asal		FED		TKM.		RESULT (B)		1	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK			
1	d4.	h6	21	a5.	kb8.	41	hphs	h8			
2	cb4	e6.	22	c4.	h8.	42	hphs	h8			
3	e3	c5	23	q1b.	kb6	43					
4	c3.	b6.	24	ds.	kb4.	44					
5	kb3.	cb4.	25	cb4.	h8.	45					
6	h3	cb4.	26	c5.	h8	46					
7	kbda.	cb.	27	cb4.	h8.	47					
8	cb3.	cb.	28	cb3.	h8.	48					
9	e1d.	ds.	29	h8.	h8.	49					
10	cb.	kbda	30	h8.	h8.	50					
11	cb.	h8.	31	h8.	h8.	51					
12	h8.	h8.	32	h8.	h8.	52					
13	ay.	cb.	33	h8.	cb.	53					
14	h8.	h8.	34	h8.	h8.	54					
15	h8.	h8.	35	h8.	h8.	55					
16	h8.	h8.	36	h8.	h8.	56					
17	h8.	h8.	37	h8.	h8.	57					
18	h8.	h8.	38	h8.	h8.	58					
19	h8.	h8.	39	h8.	h8.	59					
20	h8.	h8.	40	h8.	h8.	60					
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
M. Agamyradorova			E. Ebrahimi			D. ...					

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group
G16
Round
4
Date
19/07
Board
3

WHITE Shishkareva Anastasiya				FED RUS				RESULT (W)			
BLACK Dang Le Xuan Hien				FED VIE				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Te5	Mc4	41	Hh4	vg7	3		
2	c4	e6	22	Nh5	Te7	42	Ta2	xh8	3		
3	Mc3	Ng6	23	a3	Ma6	43	Hc7	Tg7	3		
4	cd	ed	24	e4	Me5	44	R3	g3	4		
5	Tg5	c6	25	de	Tg7	45	Hd7	e3	1		
6	e3	R6	26	Ng6	Tg6	46	Tg7	Mc5	2		
7	TR4	Te7	27	e8	Hd6	47	Ma5	cd	2		
8	Td3	00	28	g4	fe	48	Hd5	Me4	1		
9	Mge2	Me8	29	fe	Hc5	49	Hd4	vg7	2		
10	Tg3	Mc6	30	Xe3	Rg5	50	Hd5	vg6	2		
11	Hc2	Xe8	31	Hg3	Xe5	51	Hc6	Ng6	2		
12	0-0	Tg8	32	Ma4	Hd4	52	Xe1	Hg2	2		
13	Tg4	Hc7	33	Hh3	Xe6	53	Hc3	Xh3	2		
14	Ng3	a5	34	Vh1	Xg6	54					
15	Xae1	Ma6	35	Xe1	Xg8	55					
16	Hc1	Te6	36	Hg3	Tg6	56					
17	Td1	Hd7	37	Xg6	Hg6	57					
18	Hc2	g5	38	Xg1	d4	58					
19	g3	Mc4	39	Mc6	Hg4	59					
20	Hh2	g5	40	Hh3	g4	60					

SIGNATURE (WHITE) *[Signature]* SIGNATURE (BLACK) *Hien* SIGNATURE (ARBITER) *An*

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group
G16
Round
4
Date
19/07
Board
3

WHITE Shishkareva				FED RUS				RESULT (W)			
BLACK Dang Le Xuan Hien				FED VIE				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	cc5	kc4	41	kpq4	ca2			
2	c4	e6	22	kh5	cc7	42	jh8	pe2			
3	kc3	kf6	23	d3	kd6	43	cf4	h3			
4	cd	ed	24	e4	k:es	44	gs	q:4			
5	cg5	cb	25	de	cf4	45	cs	c:f7			
6	e3	h6	26	k:ft6	et	46	kc5	kd5			
7	ch4	cc7	27	qpd6	f4	47	cd	q:d5			
8	cd3	0-0	28	fe	fg	48	ke4	q:d4			
9	kg2	kg8	29	q:es	q:es	49	kp:f4	q:d5			
10	q:f3	kd6	30	hg	q:q3	50	kpq6	q:es			
11	q:c2	q:es	31	q:es	kd4	51	q:f6	q:es			
12	0-0	cf8	32	q:d4	q:h3	52	q:te	q:es			
13	cf4	q:es	33	q:es	kp:h1	53	q:h3	q:es			
14	kg3	d5	34	q:f6	q:es	54					
15	q:ae1	ka6	35	q:te	q:es	55					
16	q:es	cc6	36	cg6	q:es	56					
17	cb1	q:d4	37	q:f6	q:es	57					
18	q:c2	f5	38	d4	kb6	58					
19	f3	kb4	39	q:f4	q:h3	59					
20	q:f2	g5	40	q:4	q:h4	60					

SIGNATURE (WHITE) *[Signature]* SIGNATURE (BLACK) *Hien* SIGNATURE (ARBITER) *An*

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



WHITE		Ainiul Mardiah Mohd Afif		FED MAS		RESULT (W) 0		
BLACK		Iudina Veronika		FED RUS		RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	e5	21	bxc4	Nxc4	41	Oxas	Rd2
2	g3	Nf6	22	Qb3	Bg5	42	Kg1	Qd2
3	Bg2	c6	23	Rd1	f4	43		
4	Nf3	e4	24	axf4	Rg2	44		
5	Nd4	QL6	25	Bb2	Nd2	45		
6	Nb3	q5	26	Rxd2	Bxd2	46		
7	d3	q4	27	Rd1	Rd2	47		
8	Kd2	Bc5	28	Rf1	Be1	48		
9	e3	Qd5	29	Kd1	Bd2	49		
10	O-O	O-O	30	Bg3	Qd4	50		
11	Nd4	Nd4	31	Qf3	Rd2	51		
12	Bd4	d5	32	Rb5	Rd2	52		
13	Nc3	Bd4	33	Rd1	Rd2	53		
14	Oxd3	f5	34	B1	Qd2	54		
15	Bg2	Nd4	35	Qb5	Rd2	55		
16	Rb1	Qd5	36	f5	h5	56		
17	b3	Nb5	37	Qd2	Bg5	57		
18	Qc2	axb3	38	Qd2	Rd2	58		
19	axb3	d5	39	Qd2	Bd2	59		
20	Nd4	Rd2	40	Re1	Bd5	60		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



WHITE		Mohd Afif, Ainiul Mardiah.		FED		Malaysia		RESULT (W)		0	
BLACK		Iudina Veronika		FED		Russia		RESULT (B)		1	
#	WHITE		BLACK	#	WHITE		BLACK	#	WHITE		BLACK
1	c4		e5	21	bq		Nc4	41	Opas		Nc1
2	g3		Nf6	22	Op3		g5	42	Kpg1		Opd4
3	cg2		c6	23	Np1		f4	43			
4	Kf3		e4	24	e1		Nep	44			
5	Kd4		Opb6	25	cb2		Kd2	45			
6	Kb3		as	26	Nd2		cd2	46			
7	d3		a4	27	Nd1		Nd2	47			
8	Kd2		cc5	28	Nf1		ce1	48			
9	e3		ed	29	Kph1		cd2	49			
10	O-O		O-O	30	cas		Opd4	50			
11	Nd4		Nd4	31	Opf3		Nd2	51			
12	ce4		q6	32	Opb5		cd4	52			
13	Kf3		cb4	33	Nd1		Nd1	53			
14	Opd3		f5	34	cc1		Opd4	54			
15	cg2		Kd7	35	Opd5		cb6	55			
16	Nb1		Opd5	36	f5		h6	56			
17	b3		Kf5	37	Opd2		cf5	57			
18	Opd2		ab	38	Opb2		Nb1	58			
19	ab		d5	39	Opd2		ce4	59			
20	Kd4		Nd4	40	Nd1		cas	60			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
								Ain			










搜索招法 注意时间

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 19.04.26

Group G10
Round 4
Board 7

WHITE Zarkum Ailin				FED KAZ	RESULT (W)
BLACK Assylkhan Asiya				FED KAZ	RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	d6	21	Bc5	Rc5
2		d4	22	B2	R2
3	Nc3	e5	23	Nd4	Bd4
4	Nh3	Nd4	24	R4	Bg
5	Bc4	Bc4	25	Nd3	Rd3
6	O-O	O-O	26	f4	g4
7	h3	c6	27	f4	e4
8	a4	b6	28	Rd4	Rd4
9	Re1	a6	29	Qf2	Qg3
10	b4	Bb7	30	R4	Q4
11	Bc3	R8	31	R1L	g5
12	d5	cd	32	R4	f4
13	Nd5	Nd5	33	h4	h6
14	e4	d5	34	h4	h4
15	b5	f5	35	g3	fg
16	Bb2	Nd6	36	R4	h4
17	Qe3	Bd6	37	R4	Re4
18	c4	Qd8	38	d4	kg
19	Rd4	Qf	39	B2	K8
20	Ba3	Kc	40	h4	g4
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)	
				SIGNATURE (ARBITER)	

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group 8-16
Round 4
Board 4

WHITE Assylkhan Asiya Zarkum Ailin				FED KAZ	RESULT (W)
BLACK Assylkhan A				FED KAZ	RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	d6	21	Rxc5	Rxc5
2	d4	Nf6	22	Re2	Be8
3	Nc3	e5	23	Nh2	Bd2
4	Nf3	Nbd4	24	Rf1	Bg5
5	Bc4	Be4	25	Nf3	Rcc8
6	O-O	O-O	26	Ng5	Q-g5
7	h3	c6	27	f4	e4
8	a4	b6	28	Rd4	Rd8
9	Re1	a6	29	Qf2	Qg3
10	b4	Bb4	30	Rd4	Qd2
11	Bb3	Rc8	31	R1d2	Q5
12	d5	Cxd5	32	Rd4	f4
13	Nxd5	Nxd5	33	h4	h6
14	exd5	Q5	34	hxg5	Lg5
15	b5	f5	35	g3	R-g3
16	Bb2	Kh8	36	Rf4	Rab
17	Qe2	Rf6	37	Re4	Re4
18	c4	Qe8	38	R-c4	Lg8
19	Rd4	Og6	39	Rd4	Vb8
20	Ba3	Nc5	40	R21	Bg4
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)	
				SIGNATURE (ARBITER)	

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
19.07.2026

Group
G-16

Round
04

Board
08

WHITE Theephi Gaa K P				FED IND				RESULT (W) 1/2			
BLACK Le Thai Hoang Anh				FED VIC				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4 (82)	e5 (90)	21	Qh4 (2)	Nxh6 (34)	41	Qa1	Rb2			
2	Nf3 (82)	Nc6 (90)	22	Qxh6 (2)	Qg7 (60)	42	Rh2	Rxc2			
3	Bb5 (82)	a6 (80)	23	Qh4 (3)	b3 (52)	43	Rxc2	e6 (8)			
4	Ba4 (82)	Nf6 (80)	24	Bxb3 (8)	Nxb3	44	Qc1	Qc6			
5	0-0 (82)	b5 (80)	25	Cxb3	Rb5	45	Rc4	Rb4			
6	Bb3 (82)	Be7 (80)	26	Nd2	f5	46	Qc2	Qb6			
7	Re1 (82)	0-0 (80)	27	f3	g5	47	Rxb4	Cxb4			
8	a4 (82)	Bb7 (80)	28	Qg3	f4	48	Qb2	Qd4			
9	d3 (82)	d6 (85)	29	Qf2	Bc8	49	Qg8	h6			
10	h3 (82)	Na5 (80)	30	Nc4	Rxb3	50	Qd8+	1c6			
11	Ba2 (77)	c5 (85)	31	Qc2	Rb4	51	Qc8+	1c6			
12	Nbd2 (76)	Qc7 (83)	32	Nxd6	Qc7	52	Qd8+	1c6			
13	Nf1 (74)	b4 (81)	33	Nxc8	Rxc8	53	Qc8+	1c6			
14	Ne3 (60)	Rab8 (80)	34	Rac1	1c7	54	Qd8+	1c6			
15	Nf5 (50)	Bd8 (80)	35	1ch2	1c6	55	Qc8+	1c6			
16	Bb5 (34)	1ch8 (70)	36	Re2	1c6	56	Repetition Draw				
17	Qd2 (22)	Ng8 (65)	37	Qc3	1c6	57					
18	Bxd8 (6)	Rbxd8 (60)	38	Rc2	a5	58					
19	Qg5 (6)	g6 (60)	39	Qa3	Qb7	59					
20	Nh6 (4)	f6 (60)	40	Rc4	Rb2	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
T				Anh				y7			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
19/7

Group
G-16

Round
4

Board
8

WHITE Theephi Gaa K P				FED IND				RESULT (W) 1/2			
BLACK Le Thai Hoang Anh				FED VIC				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4 121	e5 180	21	Hh4 2	Mh6	41	Hq1	Xb2			
2	Mf3 122	Mf6 181	22	Hh4	Hg7	42	Xc2	Xc2			
3	Tb5 122	Qb 189	23	Hh4	b3	43	Xc2	Xb8			
4	Ta4 122	Mf6 181	24	Tb3	Mb3	44	Hc1	Hc6			
5	0-0 122	b5 188	25	Cb6	Xb8	45	Xc4	Xb4			
6	Tb3 122	Te7 181	26	MD2	R5	46	Hc2	Hb6			
7	Xe1 122	0-0 181	27	f3	g5	47	Xb4	Cb			
8	a4 122	Td7 181	28	Hg3	X4	48	Xb4	Hd4			
9	d3 122	d6 125	29	Hf2	Te8	49	Hg8	h6			
10	h3 122	Ma5 184	30	Hc4	Xb3	50	Hd8	Vc6			
11	Ta2 117	c5 125	31	Hc2	Xb4	51	Hc8	Vd6			
12	Hb2 116	Hc7 123	32	MD2	Hc7	52	Hd8	Vc6			
13	Mf1 114	b4 122	33	Hc8	Xc8	53	Hc8	Vd6			
14	Me3 100	Xb6 119	34	Xc8	Vg7	54	Hd8	Vd6			
15	Mf5 106	Td8 120	35	Vh2	Vb6	55					
16	Tg5 104	Vh8 111	36	Xc2	Vc6	56					
17	Hd2 101	Mg8 105	37	Hc3	Vd6	57					
18	Td8 106	Xb6 102	38	Xc2	Q5	58					
19	Hg5 105	g6 100	39	Hq3	Hb7	59					
20	Mh6 104	f6 100	40	Xc4	Xb3	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
T				Anh				V1			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 19/7/2026

Group G16

Round 4

Board 9

FED VIE

RESULT (W) 0

FED UZB

RESULT (B) 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	a4	c5	21	Qe4	Qd8	41	kg4	NR7
2	Nf3	e6	22	Qe2	Ng6	42		
3	c3	d5	23	Be3	h6	43		
4	ed	Qd5	24	h3	Bf8	44		
5	Ja	Nf6	25	a3	Ne7	45		
6	Be2	Be7	26	g4	g6	46		
7	Na3	Qd8	27	Nd2	Nc6	47		
8	Na4	O-O	28	f4	Qf4	48		
9	O-O	Nc6	29	Nf3	Qf3	49		
10	Nce5	Ne5	30	Qg2	Qg2	50		
11	de	Nd7	31	kg2	Rd3	51		
12	Bf4	Qe7	32	Nd2	Be2	52		
13	c4	b6	33	Ne4	Nd5	53		
14	Bd3	Bb7	34	Bc1	Nc4	54		
15	Re1	Rd8	35	Nf6	Bf6	55		
16	Qe2	Nf8	36	af	Nf6	56		
17	Rd1	Rd7	37	Rh1	Ne5	57		
18	Bc2	Rd8	38	g5	hg	58		
19	Rd7	Rd7	39	hg	Rb5	59		
20	Be4	Be4	40	Kc3	Np5	60		

SIGNATURE (WHITE)

SIGNATURE (BLACK)

SIGNATURE (ARBITER)

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 19.07.2026

Group G16

Round 4

Board 9

FED VIE

RESULT (W) 0

FED UZB

RESULT (B) 1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	fc4	g6	41	kg4	
2	kp3	e6	22	fc2	kg6	42		
3	c3	d5	23	ce3	h6	43		
4	dl	g6	24	h3	ce8	44		
5	d4	kg6	25	a3	ke7	45		
6	ce2	ce7	26	g4	g6	46		
7	ko3	g6	27	ke2	ke6	47		
8	ke4	O-O	28	g4	g6	48		
9	O-O	ke6	29	ke3	g6	49		
10	ke5	ke5	30	g2	g2	50		
11	ke	ke	31	g2	ke3	51		
12	ce4	g2	32	ke2	ce	52		
13	c4	g6	33	ke4	ke5	53		
14	ke3	ce7	34	ce1	ke4	54		
15	ke	ke3	35	ke6	ce	55		
16	ce2	ke8	36	ce	ke	56		
17	ke1	ke7	37	ke1	ke	57		
18	ce2	ke8	38	g5	hg	58		
19	ke	ke	39	g5	ke	59		
20	ke	ce4	40	ke	ke	60		

SIGNATURE (WHITE)

SIGNATURE (BLACK)

SIGNATURE (ARBITER)

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

11:38

WHITE Detdibaevs Edisa		FED KGZ		RESULT (W)	
BLACK Zin Dijia		FED CHN		RESULT (B)	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Qd5	Bd5
2	Nf3	Nc6	22	O-O	Bc4
3	d4	cd:	23	Bc4	bc:
4	Nd4	Nf6	24	Kc6	Rfc8
5	Nc3	e5	25	Rc8	Rc8
6	Ndb5	d6	26	Kd1	Kf8
7	Bg5	a6	27	Kf1	Ke7
8	Na3	b5	28	Ke2	Ke6
9	Nd5	Be7	29	Ra1	Rb8
10	Bf6	Bf6	30	Ra2	Rd8
11	c3	Rb7	31	Ra4	Rb7
12	Ne2	Bg5	32	Rq6	Kd5
13	Be2	O-O	33	Ra2	Rb7
14	Nce3	Be6	34	Kd2	f5
15	au	Ne7	35	Kc2	g6
16	ab:	ab:	36	Ra5	Kd6
17	Ra6	Be3	37	h4	Rg3
18	Ne3	d5	38	Rb5	g5
19	ed:	Nd8	39	hg:	Rg5
20	Nb5	Qd5	40	g3	Rg4
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)	
		Liu, Dijia			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

11:38

WHITE Berdibaevs Edisa		FED KGZ		RESULT (W)	
BLACK Liu, Dijia		FED CHN		RESULT (B)	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Qd5	Bd5
2	Nf3	Nc6	22	O-O	Bc4
3	d4	cd4	23	Bc4	bc4
4	Nd4	Nf6	24	Rc6	Rfc8
5	Nc3	e5	25	Rc8	Rc8
6	Ndb5	d6	26	Rd1	Kf8
7	Bg5	a6	27	Kf1	Ke7
8	Na3	b5	28	Ke2	Ke6
9	Nd5	Be7	29	Ra1	Rb8
10	Bf6	Bf6	30	Ra2	Rd8
11	c3	Rb7	31	Ra4	Rb8
12	Nc2	Bg5	32	Ra6	Kd5
13	Be2	O-O	33	Ra2	Rb1
14	Nce3	Be6	34	Kd2	f5
15	af	Ne7	35	Kc2	g6
16	ab5	ab5	36	Ra5	Kd6
17	Ra6	Be2	37	h4	Rg1
18	Ne3	d5	38	Rb5	g5
19	ed5	Nd5	39	Ng5	Rg5
20	Nd5	Qd5	40	g3	Rg4
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)	
		Liu, Dijia			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 19.07.26

Group U-16
Round 04
Board 12

WHITE Jannatul Preety				FED Dan				RESULT (W) 1			
BLACK Aishath Iva Hasan				FED MDV				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Re5	0-0	41	Nd6	Kb6			
2	e4	e6	22	Re5	Rh5	42	Re3	Re8			
3	exd4	exd4	23	Rxb5	gxb5	43	Nc5	Bx5			
4	Nc3	Nf6	24	Ng5	g6	44	bxc5	Rxc5			
5	Bf4	Gb6	25	Nx6	Qe7	45	Ke4	Qd2			
6	Bb1	Ne6	26	Ng5	Qx5	46	h5	Rxf2			
7	e3	Bf5	27	Nx4	Rd8	47	Ke6	Kc7			
8	a3	e6	28	Nc3	Kf7	48	Ke7	Rd2			
9	Bd3	Bg6	29	d5	Nc7	49	Re1	Kb5			
10	Bxg6	hxg6	30	Bd4	f6	50	d3	Rd2			
11	Nf3	Bd6	31	Kf1	Kf7	51	Kd2	Re6			
12	h3	Re8	32	Bxc5	Bx5	52	Re8	Lh7			
13	Qd6	Q5	33	Rd2	Ke7	53	Kc7	Rf5			
14	0-0	Bb8	34	Ke2	Kd6	54	Re8	-f4			
15	e4	Lx4	35	Ne4+	Kc7	55	d7	Re6			
16	Nx4	Nx4	36	b5	-B	56	Kd8	Kb6			
17	Qxe4	Rd8	37	Nc5	Re5	57	Kd7	Re8			
18	Bc3	Ad5	38	Ke3	Q5	58	Rxd8	Lxd8			
19	Rd2	Qe7	39	Ke5	axb4	59	Kd5	Bg5			
20	Rac1	Qd6	40	axb4	Rd6	60	Rg8	b5			
SIGNATURE (WHITE) Preety				SIGNATURE (BLACK) Iva				SIGNATURE (ARBITER) Vn			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 19.07.26

Group U-16
Round 04
Board 12

WHITE Jannatul Preety				FED Dan				RESULT (W) 1			
BLACK Aishath Iva Hasan				FED MDV				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Rxg6	be	21			41					
2	Rf6	b6	22			42					
3	RxP4	br	23			43					
4	Rf2	Kb4	24			44					
5	g5		25			45					
6			26			46					
7			27			47					
8			28			48					
9			29			49					
10			30			50					
11			31			51					
12			32			52					
13			33			53					
14			34			54					
15			35			55					
16			36			56					
17			37			57					
18			38			58					
19			39			59					
20			40			60					
SIGNATURE (WHITE) Preety				SIGNATURE (BLACK) Iva				SIGNATURE (ARBITER) Vn			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 17.07.26

Group G16
Round 4

Board 12

WHITE Jannatul Preety				FED BAN				RESULT (W) 1			
BLACK Aishath Iva Hassan				FED MDV				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Re1	0-0	41	Ne6+	kb6			
2	c4	c6	22	Kc5	Rh5	42	Re1	Rc8+			
3	cx d5	cx d5	23	Rxh5	gxh5	43	Nc5	Bxc5			
4	Nc3	Nf6	24	Ng5	g6	44	bxc5+	Rxc5+			
5	Bf4	Qb6	25	Nxe6	Qe7	45	Kd4	Rc2			
6	Bc1	Nc6	26	Ng5	Qxe4	46	Ke4	Rxf2			
7	e3	Bf5	27	Nxe4	Rd8	47	Ke6	Kc7			
8	a3	e6	28	Nc3	Kg7	48	Ke7	Rd2			
9	Bd3	Bg6	29	d5	Ne5	49	Rc1+	kb8			
10	Bxg6	hxg6	30	Bd4	f6	50	d6	Re2+			
11	Nf3	Bd6	31	Kf1	Kf7	51	Kd1	Re6			
12	h3	Rc8	32	Bxe5	Bxe5	52	Rc8+	Ka7			
13	Qd3	a6	33	Rd1	Ke7	53	Kc7	Kf6			
14	0-0	Bb8	34	Ke2	Kd6	54	Re8	f4			
15	e4	Qh4	35	Ne4+	Kc7	55	Re d7	Rc6+			
16	Nxe4	Nxe7	36	b4	f5	56	Kd8	kb6			
17	Qxe7	Rd8	37	Nc5	Re8	57	Ke7	Rc7			
18	Be3	Rd5	38	Kd3	q5	58	Rc8	Rxd7			
19	Rfd1	Qo7	39	Kc7	axb4	59	Kxd7	Ka5			
20	Rac8	Qd8	40	axb4	Bd6	60	Rg8	g5			
SIGNATURE (WHITE) Preety				SIGNATURE (BLACK) Iva				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 19.07.26

Group U-16
Round 4

Board 12

WHITE Jannatul Preety				FED BAN				RESULT (W) 1			
BLACK Aishath Iva Hassan				FED MDV				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Rxg6	b4	21			41					
2	b3	Rxf4	22			42					
3	b2	Rf1	23			43					
4	Kb4	g4	24			44					
5			25			45					
6			26			46					
7			27			47					
8			28			48					
9			29			49					
10			30			50					
11			31			51					
12			32			52					
13			33			53					
14			34			54					
15			35			55					
16			36			56					
17			37			57					
18			38			58					
19			39			59					
20			40			60					
SIGNATURE (WHITE) Preety				SIGNATURE (BLACK) Iva				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7.19

Group G16
Round 403
Board 13

WHITE Zhu Yanxiao				FED CHN				RESULT (W) 0			
BLACK Ding Xingyi				FED CHN				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Rb1d3	Rb68116	41	Qe2	c			
2	Ne3	ab	22	Nb50	b5b111	42		Qd4			
3	d4	cd	23	16d1052	Qf1107	43	a	Qe3			
4	Nd4	Nf6	24	1263051	6c	44	Kf1	ag6			
5	Nc3	ab	25	Rc4012	Qd1106	45	Qc7	1c97			
6	f3	e5	26	1212019	Rf63015	46	Qc3	1c78			
7	NB	Be6	27	Nd5019	ed1012	47	Qd8	1c7			
8	Bc3	h5134	28	1213016	Qe4052	48	Qh4	1c68			
9	Nd130	Bd1134	29	Qd3013	Rd1811	49	Qe4	Qb6			
10	ep	Nb27134	30	Bb606	Rd76100		Qc8	1c7			
11	Bc2130	g6134	31	12c3015	Qd1064	51	Gmb	Qf4			
12	01129	Bg7132	32	12c1	12c5	52	1c91	Qe3			
13	Qd2128	00133	33	Qe2	Rf601c	53	1c71	Qd1			
14	Nd1128	Qc71150	34	Rd4	12d7	54	1c72	Qd2			
15	c4114	e4133	35	Qd2	12d4	55	1c73	Qd4			
16	f4108	Nd4130	36	Qd4	Qe7	56	Qb7	1c78			
17	Bg4106	h9130	37	Qc3	Qe7	57	Qc8	1c7			
18	Rd1102	Nd1129	38	Qd2	Rc2	58	Qd7	Qd7			
19	64011	105128	39	12c8	Qe7	59	Qf1	Qe4			
20	Ra2049	Qd1128	40	Qd1	Qd1	60	1c93	Qe3			
SIGNATURE (WHITE) Zhu				SIGNATURE (BLACK) Ding				SIGNATURE (ARBITER) V			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7.19

Group G16
Round 403
Board 13

WHITE Zhu Yanxiao				FED CHN				RESULT (W) 0			
BLACK Ding Xingyi				FED CHN				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Ke2	d4	21			41					
2	h4	ds	22			42					
3	Qa4	ds	23			43					
4	Qa1	1ch7	24			44					
5	Qf1	Qe4	25			45					
6	1ch3	1c68	26			46					
7	Qd1	Qd4	27			47					
8	1c92	Qe3	28			48					
9	1c41	Qh3	29			49					
10	1c91	Qe3	30			50					
11	Kf1	Qh4	31			51					
12	1c92	Qe3	32			52					
13	1c72	Qd2	33			53					
14	1c72	Qe4	34			54					
15	Q1c72	Qe2	35			55					
16	Qd2	Qe2	36			56					
17	1c1	1c78	37			57					
18			38			58					
19			39			59					
20			40			60					
SIGNATURE (WHITE) Zhu				SIGNATURE (BLACK) Ding				SIGNATURE (ARBITER) V			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



WHITE Zhu Yanxiao				FED CHN				RESULT (W) 0			
BLACK Dng Xinyi				FED CHN				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	c5	21	Rb1:38	1b6:1:16	41	Qf1	Qa3			
2	nc3	db	22	Nb3	b5:1:11	42	Qc4	Qe3			
3	d4	cd	23	NC/22	Qf5:1:07	43	Nf1	Qb6:38			
4	nd4	nf6	24	Rb3	20 bc	44	Qc8	f97			
5	nc3	ab	25	rc4	Qd5	45	Qe3	Qf8			
6	ps	es	26	Re2	19 Rfe8:53	46	Qh3	Ne7			
7	nb3	Bb6 Bb6	27	1d3	ed	47	Qh4	1e8			
8	Be3	h5	28	Re3	Qe4	48	Qg4	Qb7			
9	nd5	Bd5	29	g3	13 Rb6:85/	49	Qc8	1e7			
10	cd	Nb6:7	30	Bb6	5 Rd/50	50	Qa6	Qp4			
11	Be2	g6	31	Re3	Qa8:49	51	1f1	Qa2:3			
12	cro	1397	32	RC/1	Re3	52	1f1	Qc1			
13	Qd2:1:8	Cc0	33	Qe3	Bt6:43	53	1f2	Qd2			
14	Nas	1:20 Qc7	34	Bd4	Re7:02	54	1f3	Qd4			
15	c4	1:19 e4 1:34	35	Qd2	Bd4	55	Qb7	Qb1:88			
16	1f5	1:08 N14:1:30	36	Qd4	Qc8	56	Kb1:88	1:57			
17	Bg4	1:06 h9	37	Qc2	Re3	57	Qd7	d5			
18	RC/1	1:00 Nc4:1:27	38	Qd2	Re2	58	g4	Qe8			
19	b4	51 Nd3:1:30	39	Re8	Qc8	59	Kg3	Qe3			
20	Re2	50 Qd7:1:28	40	Qd2	Qc1	60	Kf2	d4			
SIGNATURE (WHITE) Zhu				SIGNATURE (BLACK) Dng				SIGNATURE (ARBITER) [Signature]			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



WHITE Zhu Yanxiao				FED CHN				RESULT (W) 0			
BLACK Dng Xinyi				FED CHN				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	h4	e3 d3	21			41					
2	Qa4	d2	22			42					
3	Qa1	Kh7	23			43					
4	Qf1	Qe4	24			44					
5	Kh3	Qd5	25			45					
6	Qd1	Qd4	26			46					
7	1g2	Qd3	27			47					
8	1f1	Qh3	28			48					
9	1g1	Qg3	29			49					
10	1f1	Qh4	30			50					
11	1g2	Qf5	31			51					
12	Qa1:2	Qd4	32			52					
13	1e2	Qep	33			53					
14	Kp2	Qe1	34			54					
15	Qe1	de	35			55					
16	Ke1	Kh6	36			56					
17			37			57					
18			38			58					
19			39			59					
20			40			60					
SIGNATURE (WHITE) Zhu				SIGNATURE (BLACK) Dng				SIGNATURE (ARBITER) [Signature]			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
19 July

Group
G16
Round
4
Board
14

WHITE Jie, Jingfei				FED JPN				RESULT (W)			
BLACK Dawal Shresha				FED NEP				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	Rf3	h5	41					
2	d4	d5	22	Qf4	Kg7	42					
3	exd5	cxd5	23	Nxh5	Kh7	43					
4	Bd3	Nf6	24	Nf6	Kg7	44					
5	c3	e6	25	NxRe8	QxNe8	45					
6	Nf3	h6	26	Kf1	Bxg6	46					
7	Bf4	Bd6	27			47					
8	Bxb6	Qxb6	28			48					
9	Nd2	Nc6	29			49					
10	O-O	O-O	30			50					
11	Re1	Nd7	31			51					
12	Qe2	Re8	32			52					
13	Ne5	NxNe5	33			53					
14	dxe5	Qc7	34			54					
15	Nf1	b6	35			55					
16	Ng3	f6	36			56					
17	Qe3	Kg7	37			57					
18	h4	Na5	38			58					
19	Qf3	Qe7	39			59					
20	Qg4	Kf8	40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
07/19

Group
G16
Round
4
Board
14

WHITE Jie, Jingfei				FED JPN				RESULT (W)			
BLACK Dawal Shresha				FED NEP				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	Re3	h5	41					
2	d4	d5	22	Qf4	Kg7	42					
3	exd5	cxd5	23	Nxh5	Kh7	43					
4	Bd3	Nf6	24	Nf6	Kg7	44					
5	c3	e6	25	NxRe8	QxNe8	45					
6	Nf3	h6	26	Kf1	Bxg6	46					
7	Bf4	Bd6	27	Bxg6		47					
8	Bxb6	Qxb6	28			48					
9	Nbd2	Nc6	29			49					
10	O-O	O-O	30			50					
11	Re1	Nd7	31			51					
12	Qe2	Re8	32			52					
13	Ne5	NxNe5	33			53					
14	dxe5	Qc7	34			54					
15	Nf1	b6	35			55					
16	Ng3	f6	36			56					
17	Qe3	Kg7	37			57					
18	h4	Na5	38			58					
19	Qf3	Qe7	39			59					
20	Qg4	Kg1	40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 19.07.2026

Group 616
Round 4
Board 19

WHITE Artittaya Keongamaroon				FED THA				RESULT (W) 1/2			
BLACK Chen Yan Yu				FED TPE				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Gxc7	Nxb5	41					
2	Nf3	g6	22	Qc6	Ng7	42					
3	e3	Bg7	23	Gxe6+	Kh8	43					
4	c4	O-O	24			44					
5	Bd3	b6	25			45					
6	Nbd2	d6	26			46					
7	Qc2	Bb7	27			47					
8	O-O	Nc6	28			48					
9	a3	c6	29			49					
10	b4	d5	30			50					
11	Bb2	a5	31			51					
12	b5	dxc4	32			52					
13	Nxc4	Na7	33			53					
14	Ne5	Nd7	34			54					
15	Nc6	bxc6	35			55					
16	bxc6	Nb8	36			56					
17	Rfc1	f5	37			57					
18	a4	Nxc4	38			58					
19	Bb5	Nb5	39			59					
20	bxb5	Nx7	40			60					
SIGNATURE (WHITE) Artittaya				SIGNATURE (BLACK) Chen				SIGNATURE (ARBITER) 12			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 11/19

Group 616
Round 4
Board 19

WHITE Keongamaroon, Artittaya				FED THA				RESULT (W) 1/2			
BLACK Chen Yan Yu				FED TPE				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Qxc7	Nxb5	41					
2	Nf3	g6	22	Qc6	Na7	42					
3	e3	Bg7	23	Qxe6+	Kh8	43					
4	c4	O-O	24			44					
5	Bd3	b6	25			45					
6	Nd2	d6	26			46					
7	Qc2	Bb7	27			47					
8	O-O	Nc6	28			48					
9	a3	e6	29			49					
10	b4	d5	30			50					
11	Bb2	a5	31			51					
12	b5	dxc4	32			52					
13	Nxc4	Na7	33			53					
14	Ne5	Nd7	34			54					
15	Nc6	bxc6	35			55					
16	bxc6	Nb8	36			56					
17	Rfc1	f5	37			57					
18	a4	Nxc4	38			58					
19	Bb5	Nb5	39			59					
20	axb5	Na7	40			60					
SIGNATURE (WHITE) Artittaya				SIGNATURE (BLACK) Chen				SIGNATURE (ARBITER) 12			

11:42



Board	16
-------	----

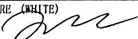
43

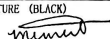
11:42



Board	16
-------	----

WHITE		BLACK		FED		RESULT (A)		
Fery, Sophia		Sugeda Mindhil Abdul Rahman		N2L		1		
FED		FED		PAK		RESULT (B)		
0		0		0		0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	dh	ds	21	cb	ben	41		
2	ch	cg	22	bs	ney	42		
3	nf2	nfg	23	ndh	bfg	43		
4	nc2	eg	24	bes	den	44		
5	bgs	nbdh	25	bfg	nfg	45		
6	ez	bg	26	nfy	kfg	46		
7	bd2	ben	27	bg	den	47		
8	o-o	hg	28	as	rcg	48		
9	h4	o-o	29	bf2	bf2	49		
10	rc1	dc	30	gf	rbg	50		
11	bch	nds	31	ab4	den	51		
12	bg2	ndfg	32	den	ke7	52		
13	dc2	cs	33	rc7	ke8	53		
14	rfd1	nc2	34	b7	nds	54		
15	bc	den	35	arc8	rcg	55		
16	nes	bs	36	cr=2		56		
17	be2	tb7	37			57		
18	ab2	ag	38			58		
19	ah	h4	39			59		
20	dc	bcs	40			60		

SIGNATURE (WHITE)


SIGNATURE (BLACK)


SIGNATURE (ARBITER)


28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 19.07.2026

Group 616
Round 4
Board 17

WHITE			BLACK			FED			RESULT (P)		
Vu, Nguyen Bao Linh			Muminova Zakiyabonu			VIE			1		
						TJK			0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Qc3	f4 (50)	41					
2	d4	d5	22	Bc1 (39)	Qc7 (40)	42					
3	Nc3	Bb4	23	Ba3	Nc8	43					
4	a3	Bxc3	24	Nc1	a6	44					
5	bxc3	c5	25	Dxa6	b6	45					
6	e5	Ne7	26	a5	Qh5	46					
7	Qg4	Qc7	27	a4b	Rxb5	47					
8	Bd2	cx d4	28	Qd6	kd8	48					
9	cx d4	Qxc2	29	Rg8	Qd1	49					
10	Bb5+ (65)	Nb c6 (85)	30	Rf1	Nxg6	50					
11	Ne2	Qg6	31	Rxg6	f3	51					
12	Qh3	Bd7	32	Rb8	Nxb8	52					
13	Bd3	F5	33	Qc7	Ke8	53					
14	O-O	Qc7	34	Kf7	Qxb8	54					
15	Rab1	Rb8	35	Qc2		55					
16	Rb3	Ke8	36			56					
17	Rc1	b6	37			57					
18	a4 (45)	Qc8 (64)	38			58					
19	Rcb1	Kf7	39			59					
20	Bb5	g5	40			60					
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 19.07.2026

Group 616
Round 4
Board 17

WHITE			BLACK			FED			RESULT (P)		
Vu, Nguyen Bao Linh			Muminova Zakiyabonu			VIE			1		
						TJK			0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	Qc3	f4	41					
2	d4	d5	22	Bc1	Qc7	42					
3	Nc3	Bb4	23	Ba3	Nc8	43					
4	a3	Bc3	24	Nc1	a6	44					
5	b6	c5	25	Ba6	b6	45					
6	e5	Ne7	26	a5	Qh5	46					
7	Qg4	Qc7	27	ab	Rb6	47					
8	Bd2	cd	28	Bd6	Kd8	48					
9	cd	Qc2	29	Rb6	Qd1	49					
10	Bb5	Nc6	30	Bg1	Nb6	50					
11	Ne2	Qg6	31	Rb6	f3	51					
12	Qh3	Bd7	32	Rb8	Nb8	52					
13	Bd3	f5	33	Qc7	Ke8	53					
14	O-O	Qf7	34	Qb8	Kg8	54					
15	Rab1	Rb8	35	Qh8	ac2	55					
16	Rb3	Kd8	36			56					
17	Rc1	b6	37			57					
18	a4	Qf8	38			58					
19	Rcb1	Kc7	39			59					
20	Bb5	g5	40			60					
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 19.07.26 Board 10

WHITE				BLACK				
Wu, Y.				Golovatenko E.				
FED CHN				FED RUS				
RESULT (W) 0				RESULT (B) 1				
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Qd1	Kf8	41	h3	h6
2		Kf3	22		Ka2	42		h3
3	Cb5	a6	23	C:F5	P:F6	43	g4	h4
4		Ca4	24		Pd2	44		h3
5	c3	Kge8	25	Ce3	Kd4	45	h3	h4
6		d4	26		Kg3	46		h3
7	ad	Cb4	27	Pd3	Ce7	47		h3
8		Kc3	28		Cd2	48	h3	h4
9	e5	0-0	29	f4	Qg6	49	g5	h3
10		0-0	30		P.g6	50	h3	h4
11	Cc3	Kg6	31	KL5	K:F7	51	h3	h4
12		h3	32		K:F4	52	h3	h4
13	P:F3	Kc7	33	C:F4	A:F4	53	h3	h4
14		a3	34		A:F4	54	h3	h4
15	b5	Cb6	35	h4	A:F4	55	h3	h4
16		Cc2	36		h4	56	h3	h4
17	Pg4	f8	37	h4	g6	57	h3	h4
18		af	38		h4	58	h3	h4
19	Gg5	Af7	39	h4	h4	59	h3	h4
20		Aa4	40		h4	60	h3	h4
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				
Wu Yinyi				Golovatenko E.				

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 19.07.26 Board 10

WHITE			BLACK			FED	CHN	RESULT (W)	0
BLACK			Golovatenko, E.			FED	RUS	RESULT (B)	1
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	h3	h4	21	h3	h4	41			
2	h3	h4	22	h3	h4	42			
3	h3	h4	23	h3	h4	43			
4	h3	h4	24	h3	h4	44			
5	h3	h4	25			45			
6	h3	h4	26			46			
7	h3	h4	27			47			
8	h3	h4	28			48			
9	h3	h4	29			49			
10	h3	h4	30			50			
11	h3	h4	31			51			
12	h3	h4	32			52			
13	h3	h4	33			53			
14	h3	h4	34			54			
15	h3	h4	35			55			
16	h3	h4	36			56			
17	h3	h4	37			57			
18	h3	h4	38			58			
19	h3	h4	39			59			
20	h3	h4	40			60			
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)			
Wu, Y.			Golovatenko, E.			1/2			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group	G1b.
Round	4
Date	2026.7.19
Board	10

WHITE Wu. Yiting				FED CHN		RESULT (W) 0			
BLACK Golovatenko, Eva				FED RUS		RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	ey	ei	21	cdi.	Nf5	41	Re3.	Rdb.	
2		Nf3	22		Nex	42		Rd3	Reb.
3	Bf5.	ab.	23	Bf5.	ce5	43	g4.	Re4.	
4	Bav	Be5	24	ced	h6.	44	g4.	Re4.	Iceb.
5	cb.	Nge7	25	Be3	Nh4.	45	lcf4	lcb.	
6		d4	26	Ng3.	ef6	46	Rf3.	lce7	
7	cd	Bb4	27	eds.	Bc7.	47	Rd3	h5.	
8		Ncb.	28		Bd2.	48		lcf3.	hg.
9	es	o-o.	29	fx.	egb.	49	hg	g5.	
10	ov.	Bg4.	30		egb.	50		lcf3.	Rfx.
11	Re3.	Ngb.	31	Nh5.	Nf4.	51	lcf3.	lcb.	
12	h3	Rf3.	32	Nf4.	Bf4.	52		Rd1.	lce7.
13	af3.	Nce7.	33	Bf4.	Rf4.	53	av	lcb.	
14	ab	Be5	34	Rf4.	Rf4.	54		Rd2.	as.
15	b4.	Bbb.	35	Re7.	Rf7.	55	b5	cb.	
16	Bc2.	cb.	36		Re9.	56		ab	lcb.
17	eg4.	fs	37	Reb.	g6.	57	Rb3.	lcb.	
18	ef.	Rfb.	38	Re9.	lq7.	58		Rc2.	lcb.
19	Bg5.	Rf7.	39	Reb	Rd7.	59	Rb2	Rd4.	
20	Rae1.	ce8	40	lcf.	lcf7.	60	Rb7	Rd3.	
SIGNATURE (WHITE) Wu Yiting			SIGNATURE (BLACK) GEP			SIGNATURE (ARBITER) VZ			

SIGNATURE (WHITE) Wu. Yiting
SIGNATURE (BLACK) GSP
SIGNATURE (ARBITER) VZ

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group	G1b.
Round	4
Date	2026.7.19
Board	10

WHITE Wu. Yiting -				FED		CHN		RESULT (W) 0	
BLACK Golovatenko, Eva				FED		RUS		RESULT (B) 1	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	lcf3	lce5	21	rd7	ker	41			
2		ra7	22		rel	42			
3	rf7	lce4	23	rd7	dy	43			
4	rf5	d4	24		rd8	44			
5	rg5	lcf4	25			45			
6		rd5	26			46			
7	kel	ke4	27			47			
8		rd6	28			48			
9	g5	ab	29			49			
10		rab	30			50			
11	reb	lcf4	31			51			
12		g6	32			52			
13	lcf1	a2	33			53			
14		rab	34			54			
15	ra2	lce3	35			55			
16		re3	36			56			
17	rf2	reb	37			57			
18		rf8	38			58			
19	rd8	rf6	39			59			
20	lcf3	d3	40			60			

SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)	
Wu. Yiting		Golovatenko		Arbiter	

SIGNATURE (WHITE) Wu. Yiting
SIGNATURE (BLACK) GSP
SIGNATURE (ARBITER) VZ